

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-29

044
CỘNG
HỘI
ĐỒNG
QUẢN
TRỊ
TẬP
ĐOÀN
ĐẦU
TƯ
ATS
TP. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư ATS cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc thay đổi địa chỉ về Thành phố Hồ Chí Minh để làm trụ sở chính và đây cũng là bản điều chỉnh gần đây nhất.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 là 35.000.000.000 VND.

Trụ sở chính: Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn.

2. Mã chứng khoán: Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là ATS theo Giấy phép niêm yết số 144/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 10 tháng 03 năm 2016.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Thái	Chủ tịch HĐQT - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Ông Trần Phúc Thiên Ân	Chủ tịch HĐQT - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Trần Thị Thuý Hằng	Thành viên HĐQT - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Thành viên HĐQT độc lập - Miễn nhiệm ngày 19/04/2024
Ông Nguyễn Trương Quốc Cường	Thành viên HĐQT độc lập - Bổ nhiệm ngày 19/04/2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Thanh Mai	Trưởng ban kiểm soát - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Lâm Thị Thanh Huệ	Trưởng ban kiểm soát - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thiên Hoa	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Đào Thị Ngọc Bích	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Ông Đỗ Văn Nam	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Trần Thị Diệp	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Sỹ Cường	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Kiến Trúc	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 04 năm 2024
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Trần Phúc Thiên Ân Chủ tịch Hội đồng quản trị

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

8. Công bố Báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025



Số: 229/2025/BCKT-HCM.01518

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS**

Chúng tôi đã kiểm toán thông tin tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS, được lập ngày 12 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 12 tháng 03 năm 2024.



TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0068-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.231.771.464	12.686.247.990
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	962.442.410	6.907.158
Tiền	111		962.442.410	6.907.158
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.525.017.958	4.637.577.858
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.460.018.000	4.626.577.900
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.739.972.300	2.685.972.300
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.999.958	10.999.958
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.685.972.300)	(2.685.972.300)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	10.884.917	68.206.939
Hàng tồn kho	141		10.884.917	68.206.939
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.733.426.179	7.973.556.035
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	-	13.214.993
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.733.426.179	7.960.341.042
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.143.354.272	37.710.029.296
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		98.750.286	-
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	98.750.286	-
Nguyên giá	222		213.124.969	101.348.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.374.683)	(101.348.000)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	33.000.000.000	37.710.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	18.410.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.000.000.000	19.300.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		44.603.986	29.296
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	44.603.986	29.296
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		48.375.125.736	50.396.277.286

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.722.235.191	6.942.126.957
Nợ ngắn hạn	310		4.722.235.191	6.942.126.957
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	5.10	3.887.986.930	4.977.012.293
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	165.455.461	67.537.882
Phải trả người lao động	314		568.792.800	1.815.758.600
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	100.000.000	81.818.182
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.652.890.545	43.454.150.329
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	43.652.890.545	43.454.150.329
Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.652.890.545	8.454.150.329
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.454.150.329	8.223.274.683
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		198.740.216	230.875.646
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		48.375.125.736	50.396.277.286

NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu**CHÂU THỊ SƯƠNG MAI**
Kế toán trưởng**TRẦN PHÚC THIÊN ÂN**
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	50.615.224.450	47.943.633.600
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		50.615.224.450	47.943.633.600
Giá vốn hàng bán	11	6.2	47.967.272.785	45.738.928.480
Lợi nhuận gộp	20		2.647.951.665	2.204.705.120
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	261.456	685.944
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	1.872.335.821	1.928.550.036
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		775.877.300	276.841.028
Thu nhập khác	31	6.5	1.150.000	17.678.380
Chi phí khác	32	6.6	422.881.623	4.739.880
Lợi nhuận khác	40		(421.731.623)	12.938.500
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		354.145.677	289.779.528
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	155.405.461	58.903.882
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		198.740.216	230.875.646
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	56,78	65,96

NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu**CHÂU THỊ SƯƠNG MAI**
Kế toán trưởng**TRẦN PHÚC THIÊN ÂN**
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	50.781.784.350	47.520.731.150
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(45.931.183.339)	(41.204.313.493)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.609.746.800)	(5.613.163.800)
Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(171.311.619)	(559.742.498)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	540.000.000	2.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(1.252.491.827)	(284.592.919)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.642.949.235)	(139.081.560)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(111.776.969)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(33.000.000.000)	(37.710.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	37.710.000.000	35.700.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	261.456	2.010.110.601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.598.484.487	110.601
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	955.535.252	(138.970.959)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	6.907.158	145.878.117
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	962.442.410	6.907.158

NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểuCHÂU THỊ SƯƠNG MAI
Kế toán trưởngTRẦN PHÚC THIÊN ÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Thành lập

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc thay đổi địa chỉ về Thành phố Hồ Chí Minh để làm trụ sở chính và đây cũng là bản điều chỉnh gần đây nhất.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 là 35.000.000.000 VND.

Trụ sở chính: Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là ATS theo Giấy phép niêm yết số 144/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 10 tháng 03 năm 2016.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động chính của Công ty là thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6. Nhân viên

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 44 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 48 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1.7. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco. Mã số: 0100830798-001 (*)

Địa chỉ: Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

(*): Hiện tại, chi nhánh đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/01/2025 - 31/12/2025 theo giấy xác nhận của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội ngày 27/12/2024.

Văn phòng giao dịch - Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn ATS. Mã số: 00004

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (gọi tắt là "Thông tư số 200/2014/TT-BTC"), Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí chung trực tiếp sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

- Máy móc, thiết bị

Số năm
04 - 05

4.7. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9. Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

4.10. Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ vốn góp sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận Cổ tức phải trả

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thuận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hoá vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho Công ty năm hiện hành như sau: Thuế suất 20%.

4.15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***4.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư - Quản lý Bất động sản CPG	TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư khác
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị	TP. Hồ Chí Minh	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	958.525.014	2.764.879
Tiền gửi ngân hàng	3.917.396	4.142.279
	962.442.410	6.907.158

5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam	4.460.018.000	4.626.577.900
	4.460.018.000	4.626.577.900

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Thảo Nguyên Xanh	1.654.917.300	1.654.917.300
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Và Kiến Trúc Greendetech	951.055.000	951.055.000
Công ty TNHH Tư Vấn Và Xây Dựng Quảng Châu	80.000.000	80.000.000
Các khách hàng khác	54.000.000	-
	2.739.972.300	2.685.972.300

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.4. Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	10.999.958	10.999.958
	10.999.958	10.999.958

(*) Là khoản tiền đặt cọc để thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê văn phòng và dịch vụ văn phòng số TAC 20-F6/11 ký ngày 01/07/2020 (kèm theo phụ lục gia hạn hợp đồng số 06 ký ngày 30/05/2024 với thời hạn từ 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025) để làm văn phòng giao dịch tại Phòng 608, Tầng 6, Toà nhà Sky City Tower A số 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.

5.5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2024		Thời gian quá hạn	01/01/2024	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND		VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Thảo Nguyên Xanh	> 3 năm	1.654.917.300	-	> 3 năm	1.654.917.300	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Và Kiến Trúc Greendetech	> 3 năm	951.055.000	-	> 3 năm	951.055.000	-
Công ty TNHH Tư Vấn Và Xây Dựng Quảng Châu	> 3 năm	80.000.000	-	> 3 năm	80.000.000	-
		2.685.972.300	-		2.685.972.300	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	2.685.972.300	2.685.972.300
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	-	-
Tại ngày cuối năm	2.685.972.300	2.685.972.300

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.884.917	-	68.206.939	-
	10.884.917	-	68.206.939	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.7. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	101.348.000	101.348.000
Mua trong năm	111.776.969	111.776.969
Số dư cuối năm	213.124.969	213.124.969
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	101.348.000	101.348.000
Khấu hao trong năm	13.026.683	13.026.683
Số dư cuối năm	114.374.683	114.374.683
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	98.750.286	98.750.286

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 101.348.000 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nhưng vẫn còn sử dụng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 101.348.000 VND).

5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	13.214.993
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	13.214.993
Chi phí trả trước dài hạn	44.603.986	29.296
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	44.603.986	29.296
	44.603.986	13.244.289

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.9. Các khoản đầu tư tài chính**

	Giá gốc VND	31/12/2024 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	01/01/2024 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	(*)	18.410.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Xây Dựng Quang Nguyên Land (1)	-	-	(*)	8.960.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T (2)	-	-	(*)	9.450.000.000	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	(*)	19.300.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Delta (3)	-	-	(*)	19.300.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư - Quản lý Bất động sản CPG (4)	33.000.000.000	-	(*)	-	-	(*)
	33.000.000.000	-	(*)	37.710.000.000	-	(*)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Xây Dựng Quang Nguyên Land là được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109530728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2021, hoạt động chính của công ty này là hoạt động bất động sản. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty bán toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Xây Dựng Quang Nguyên Land cho ông Nguyễn Mạnh Hùng theo Nghị quyết HĐQT số 10/2024/NQ-HĐQT-ATS ngày 22/07/2024 và khoản tiền chuyển nhượng công ty này Công ty đã thu hồi đầy đủ.

(2) Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102980502 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 10 năm 2008, hoạt động chính của công ty này là dược phẩm và thiết bị y tế. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T cho Ông Lê Bá Thạo theo Nghị quyết HĐQT số 11/2024/NQ-HĐQT-ATS ngày 12/08/2024 và khoản tiền chuyển nhượng công ty này Công ty đã thu hồi đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

(3) Công ty Cổ phần Delta được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101160585 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2001, hoạt động chính của công ty này là bất động sản. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Delta cho Ông Phạm Thanh Tùng theo Nghị quyết HĐQT số 11/2024/NQ-HĐQT-ATS ngày 12/08/2024 và khoản tiền chuyển nhượng công ty này Công ty đã thu hồi đầy đủ.

(4) Công ty Cổ phần Đầu tư – Quản lý Bất động sản CPG được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0315172796 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 07 năm 2018, hoạt động chính của công ty là quản lý bất động sản. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS đã góp 3.300.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư – Quản lý Bất động sản CPG tương đương với 33.000.000.000 đồng và khoản tiền góp vốn đã được thanh toán đầy đủ.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2024 như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư – Quản lý Bất động sản CPG	15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh	16,5%	16,5%	Quản lý bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Thực phẩm Dũng Lan	55.668.000	55.668.000	325.342.686	325.342.686
Công ty TNHH Phúc Khang Hải Dương	630.711.250	630.711.250	680.875.800	680.875.800
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thực phẩm An Hà	368.715.700	368.715.700	317.386.516	317.386.516
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Xây dựng Trường Thịnh	452.155.000	452.155.000	490.456.580	490.456.580
Công ty TNHH cung ứng khí hoá lỏng Hà Nội	117.418.500	117.418.500	98.212.400	98.212.400
Công ty TNHH QT Food	1.386.477.850	1.386.477.850	1.445.021.748	1.445.021.748
Hộ kinh doanh Phạm Thị Lan	644.895.000	-	-	-
Phải trả đối tượng khác	231.945.630	231.945.630	1.619.716.563	1.619.716.563
	3.887.986.930	3.243.091.930	4.977.012.293	4.977.012.293

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.585.000	1.585.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.903.882	267.813.198	171.311.619	155.405.461
Thuế thu nhập cá nhân	8.634.000	42.880.000	41.464.000	10.050.000
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	77.908.389	77.908.389	-
	67.537.882	394.186.587	296.269.008	165.455.461

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5%, 8% và 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí trích trước khác	100.000.000	81.818.182
	100.000.000	81.818.182

5.13. Vốn chủ sở hữu**5.13.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	8.223.274.683	43.223.274.683
Lãi trong năm trước	-	230.875.646	230.875.646
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	8.454.150.329	43.454.150.329
Số dư đầu năm này	35.000.000.000	8.454.150.329	43.454.150.329
Lãi trong năm	-	198.740.216	198.740.216
Số dư cuối năm này	35.000.000.000	8.652.890.545	43.652.890.545

5.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Tỷ lệ vốn góp	VND	Tỷ lệ vốn góp	VND
Đỗ Duy Kiên	24,74%	8.660.600.000	0,00%	-
Trần Thị Thanh	9,93%	3.477.000.000	0,00%	-
Tô Văn Thành	9,68%	3.386.100.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	55,65%	19.476.300.000	100,00%	35.000.000.000
	100,00%	35.000.000.000	100,00%	35.000.000.000

5.13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp cuối năm	35.000.000.000	35.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.13.4. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp suất ăn	50.615.224.450	47.943.633.600
	50.615.224.450	47.943.633.600

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn cung cấp suất ăn	47.967.272.785	45.738.928.480
	47.967.272.785	45.738.928.480

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	261.456	685.944
	261.456	685.944

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	1.381.308.000	1.306.875.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.861.424	27.050.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.026.683	2.479.914
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.912.654	82.206.645
Chi phí bằng tiền khác	310.227.060	504.938.015
	1.872.335.821	1.928.550.036

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***6.5. Thu nhập khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	1.150.000	17.678.380
	1.150.000	17.678.380

6.6. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí phạt	398.147.623	4.739.880
Chi phí khác	24.734.000	-
	422.881.623	4.739.880

6.7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.619.913.609	39.904.218.542
Chi phí nhân công	6.734.898.600	7.168.635.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.026.683	2.479.914
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.542.654	82.206.645
Chi phí khác bằng tiền	310.227.060	504.938.015
	49.839.608.606	47.667.478.516

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	354.145.677	289.779.528
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	422.881.623	4.739.880
- Các khoản điều chỉnh	422.881.623	4.739.880
+ Các khoản khác	422.881.623	4.739.880
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	777.027.300	294.519.408
+ Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	155.405.461	58.903.882
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	155.405.461	58.903.882

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***6.9. Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	198.740.216	230.875.646
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	198.740.216	230.875.646
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	56,78	65,96

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1. Các cam kết****Cam kết đi thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê nhà văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động của Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Thái Anh với thời hạn 1 năm. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Từ một năm trở lên	132.000.000	132.000.000
	132.000.000	132.000.000

7.2. Giao dịch với các bên liên quan**7.2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm, Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và có phát sinh giao dịch của các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ban Tổng Giám Đốc Chức vụ		
Ông Phạm Anh Tuấn Phó Tổng Giám đốc	482.454.000	465.870.000
	482.454.000	465.870.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

7.2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Góp vốn vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Delta	-	19.300.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T	-	9.450.000.000
	-	28.750.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

7.3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chủ yếu là dịch vụ cung cấp các suất ăn, tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội. Do vậy báo cáo của Công ty không trình bày bộ phận.

7.4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2024) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7.5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 là số liệu được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

7.6 Hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.
NGUYỄN THỊ HÀ
Người lập biểu
CHÂU THỊ SƯƠNG MAI
Kế toán trưởng
TRẦN PHÚC THIÊN ÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025